TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HC-ST
Ngày 25/9/2017
"V/v khởi kiện: Quyết định thu hồi đất và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; Quyết định giải quyết khiếu nại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Hữu Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Đằng

Ông Nguyễn Trọng Tấn

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Chang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***: Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLST-HC ngày 10/7/2017 về việc *"Khởi kiện quyết định thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyết định giải quyết khiếu nại"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2017/QĐXXST-HC ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Cao Trần K.

Địa chỉ: SN 098, đường I2, tổ 22, phường C, thành phố P, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (*Theo văn bản ủy quyền ngày 01/8/2017*):

- Ông Lê Duy T. Địa chỉ: Số 15A, ngách 210/3, phố V, phường M, quận X, thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Phạm Tiến D. Địa chỉ: Thôn 1B, Đ, F, thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện*:

- UBND huyện B, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H– Phó Chủ tịch UBND huyện B (*Theo văn bản ủy quyền số 948/UBND-VP ngày 25/7/2017*) - Có mặt tại phiên tòa.

- Chủ tịch UBND huyện B. Địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H– Phó Chủ tịch UBND huyện B (*Theo văn bản ủy quyền 948/UBND-VP ngày 25/7/2017*) - Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần N– Luật sư Văn phòng Luật sư Y. Địa chỉ: Số 286, phường X, thành phố O, tỉnh Yên Bái) - Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Cao Trần Q. Địa chỉ: Thôn I, xã U, huyện Z, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Trần T. Địa chỉ: Tổ 22, phường C, thành phố P, tỉnh Lào Cai (*Theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2017*) - Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Trần Thị A. Địa chỉ: SN 098, đường I2, tổ 22, phường C, thành phố P, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và văn bản tự khai của người khởi kiện ông Cao Trần K trình bày:

Diện tích 199.812,0 m^2 đất thuộc thôn G, xã E, huyện B, tỉnh Lào Cai có nguồn gốc do anh trai ông K là ông Cao Trần Q khai phá từ năm 1994-1995 để làm trang trại xây dựng kinh tế gia đình. Ông Q xin tạm trú lâu dài ở thôn G, xã E, dựng lán, đào ao thả cá và thời gian đầu ông Q có thuê vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị H ở xã S trông coi và trồng các loại cây mỡ, bồ đề…Diện tích này đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B giao đất theo quyết định số 98/QĐ-UB ngày 22/6/1995 để trồng rừng và sử dụng cho các mục đích khác.

Năm 2000 gia đình ông Q chuyển đến sinh sống tại huyện Z nên có nhờ ông K (là em trai) trông coi quản lý có giấy tạm bàn giao ngày 22/9/2000. Quá trình ông K trông coi quản lý, ông Q vẫn thường xuyên đi lại, đầu tư vào đất, trồng cây, nuôi cá. Trên cơ sở ủy quyền trông coi quản lý ông K đã giúp ông Q quản lý và sử dụng diện tích đất ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và địa phương.

Năm 2007, ông Q tiếp tục nhờ ông K đứng ra làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Ngày 16/01/2007 ông K và vợ là bà A đã được UBND huyện B cấp CNQSDĐ số AK 677385, thời hạn sử dụng từ tháng

1/2007 đến tháng 01/2057, nguồn gốc sử dụng là Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp GCNQSDĐ ông K đã bàn giao lại GCNQSDĐ cho ông Q quản lý và ông K vẫn tiếp tục trông coi đất và tài sản trên đất cho ông Q từ đó đến nay.

Ngày 16/11/2016 Thanh tra huyện B ban hành quyết định thanh tra số 192/QĐ-TTr về việc thanh tra đột xuất đối với phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, UBND xã E trong việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Cao Trần K.

Ngày 20/12/2016 Thanh tra huyện B ban hành kết luận thanh tra số 220/KL-TTr. Trên cơ sở kết luận thanh tra UBND huyện B ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Cao Trần K.

UBND huyện B căn cứ vào kết luận thanh tra để ban hành quyết định số 269/QĐ-UBND là không đúng vì kết luận thanh tra có nội dung không chính xác, cụ thể: Thanh tra huyện kết luận ông K chiếm dụng đất của Nhà nước là không đúng vì ông Q mới là người thực hiện việc khai hoang đất để làm trang trại và sử dụng đất từ năm 1994-1995 đến nay được nhà nước giao đất, ông K chỉ là người giúp ông Q trông coi, quản lý và đứng tên trên GCNQSDĐ. Đoàn thanh tra chỉ tiến hành xác minh đối với ông Hoàng Mộc L và ông Đặng Văn L xác định ông Q chỉ là người trông coi trang trại cho ông K là thiếu căn cứ mà không xác minh những hộ dân khác đang sử dụng đất cùng khu vực xung quanh trang trại của ông Q.

Không đồng ý với quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017, ông K đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 30/3/2017 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K với nội dung không công nhận khiếu nại của ông K.

Vì vậy ông K khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Cao Trần K và quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

**** Đối với quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Cao Trần K.***

Ngày 16/01/2007, UBND huyện B ban hành quyết định giao đất lâm nghiệp số 43/QĐ-UBND về việc giao đất, cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp cho 182 hộ gia đình, cá nhân tại xã E, huyện B, trong đó có hộ ông Cao Trần K được giao đất tại tờ bản đồ số 3, tiểu khu 83b, thửa số 69, diện tích 199.812 m^2, thời hạn sử dụng từ tháng 01/2007 đến tháng 01/2057.

Ngày 16/11/2016 Chánh thanh tra huyện B ban hành quyết định thanh tra số 192/QĐ-TTr về việc thanh tra đột xuất đối với phòng TN&MT huyện B, UBND xã E trong việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Cao Trần K, có hộ khẩu thường trú tại phường C, thành phố P, tỉnh Lào Cai, địa chi thửa đất tại thôn G, xã E, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 20/12/2016 Thanh tra huyện B ban hành kết luận thanh tra số 220/KL-TTr với nội dung:

Sau khi Ban chỉ huy quân sự huyện B tiến hành rà phá bom mìn, vật cản tại khu vực thôn G, xã E xong, có tổ chức bàn giao toàn bộ diện tích đã rà phá lại cho UBND xã E quản lý vào năm 1997. Sau đó ông K đã tự ý sử dụng đất mà không được cấp có thẩm quyền cho phép.

Xét về hồ sơ giao đất: Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 16/01/2007 của UBND huyện B về việc giao đất, cấp GCNQSD đất lâm nghiệp cho 182 hộ gia đình, cá nhân tại xã E, huyện B, trong đó có hộ ông Cao Trần K. Đây là quyết định giao đất chứ không phải quyết định công nhận quyền sử dụng đất. Trong GCNQSDĐ số AK 677385 được UBND huyện B cấp cho hộ ông Cao Trần K có nội dung: "*Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất*" là không đúng với nội dung Quyết định số 43/QĐ-UBND về việc giao đất cấp CNQSDĐ lâm nghiệp cho 182 hộ gia đình, cá nhân tại xã E, huyện B.

Việc giao đất, cấp GCNQDĐ cho ông K là không đúng quy định, cụ thể: Giao đất, cấp CNQSDĐ cho đối tượng tự ý sử dụng đất không được cấp có thẩm quyền cho phép. Đối tượng giao đất lâm nghiệp không đúng quy định tại điều 33 Luật đất đai năm 2003 " *Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động nông nghiệp, lâm nghiệp…".* Trong đơn xin giao đất, cấp CNQSDĐ ghi ngày 24/4/2005 của ông K và tại thời điểm UBND huyện B ban hành quyết định giao đất năm 2007, ông Cao Trần K đang công tác tại Công an huyện Z, và bà Trần Thị A đang là giáo viên tại huyện B, hộ khẩu thường trú của hộ gia đình tại phường C,thành phố P.

Trên cơ sở kiến nghị của Thanh tra huyện B, căn cứ vào quy định của Luật đất đai, UBND huyện B ban hành quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 thu hồi đất và GCNQSDĐ số AK 677385 ngày 16/01/2007 đã cấp cho hộ ông Cao Trần K. Đồng thời UBND huyện B cũng đang tổ chức thực hiện việc thống kê đền bù tài sản trên đất khi thu hồi đất của ông Cao Trần K theo đúng quy định của pháp luật.

Việc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất và GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Cao Trần K là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Đối với quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K.

Ngày 6/2/2017 ông Cao Trần K có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện B khiếu nại quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và GCNQSDĐ của ông Cao Trần K. Sau khi xem xét đơn khiếu nại Chủ tịch UBND huyện B thấy rằng UBND huyện B trên cơ sở kiến nghị của Thanh tra huyện tại kết luận thanh tra số 220/KL-TTr ngày 20/12/2016 để ban hành quyết định thu hồi đất và GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Cao Trần K là chính xác và có cơ sở pháp luật.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất và GCNQSDĐ: UBND huyện B căn cứ điểm a khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định: "*Trường hợp cơ quan thanh tra có văn bản kết luận giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, nếu kết luận đó là đúng thì quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp…"* để ban hành quyết định số 269/QĐ-UBND là đúng pháp luật.

Căn cứ vào Luật khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn, việc Chủ tịch UBND huyện B đã tiến hành các bước giải quyết khiếu nại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho ông Cao Trần K là hoàn toàn đúng trình tự quy định của pháp luật.

Ngày 30/3/2017 Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định số 1153/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K với nội dung không công nhận khiếu nại của ông Cao Trần K.

Việc Chủ tịch UBND ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị A trình bày:

Diện tích 199.812,0 m^2 đất thuộc thôn G, xã E, huyện B, tỉnh Lào Cai có nguồn gốc do anh trai của chồng bà A là ông Cao Trần Q khai phá từ năm 1994 để làm trang trại xây dựng kinh tế gia đình. Thời gian đầu ông Q có thuê vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị H ở xã S trông coi và trồng các loại cây mỡ, bồ đề…Diện tích này đã được UBND huyện B giao đất theo quyết định số 98/QĐ-UB ngày 22/6/1995 để trồng rừng và sử dụng cho các mục đích khác. Năm 2000 gia đình ông Q chuyển đến sinh sống tại huyện Z nên có nhờ ông K (là em trai) trông coi quản lý có giấy tạm bàn giao ngày 22/9/2000. Quá trình ông K trông coi quản lý ông Q vẫn thường xuyên đi lại, đầu tư vào đất, trồng cây, nuôi cá. Trên cơ sở ủy quyền trông coi quản lý ông K đã giúp ông Q quản lý và sử dụng diện tích đất ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và địa phương.

Năm 2007, ông Q tiếp tục nhờ ông K đứng ra làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Nên ngày 16/01/2007 ông K và bà A đã được UBND huyện B cấp CNQSDĐ số AK 677385. Sau khi có GCNQSDĐ ông K đã bàn giao lại cho ông Q quản lý và ông K vẫn tiếp tục trông coi đất và tài sản trên đất cho ông Q từ đó đến nay. Việc UBND

huyện B ban hành quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 về việc thu hồi đất và GCNQSDĐ là không phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế khách quan vì UBND huyện B căn cứ vào Kết luận thanh tra để ban hành quyết định số 269/QĐ-UBND, tuy nhiên Kết luận thanh tra có nội dung không chính xác, cụ thể:

Thanh tra huyện kết luận ông K chiếm dụng đất của Nhà nước là không đúng vì ông Q mới là người thực hiện việc khai hoang đất để làm trang trại và sử dụng đất từ năm 1994-1995 đến nay được nhà nước giao đất, ông K chỉ là người giúp ông Q trông coi, quản lý và đứng tên trên GCNQSDĐ.

Ông K đã có đơn khiếu nại tới Chủ tịch UBND huyện B, tuy nhiên Chủ tịch UBND huyện B vẫn giữ nguyên quyết định số 269/QĐ-UBND. Vì vậy bà A nhất trí với quan điểm của ông K khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủyquyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Cao Trần K và quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Trần Q trình bày:

Diện tích 199.812,0 m^2 đất thuộc thôn G, xã E, huyện B, tỉnh Lào Cai mà UBND huyện B có quyết định thu hồi số 269/QĐ-UBND là do ông khai phá từ năm 1994 để làm trang trại xây dựng kinh tế gia đình. Thời gian đầu ông có thuê vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị H ở xã S trông coi và trồng các loại cây mỡ, bồ đề…Diện tích này đã được UBND huyện B giao đất theo quyết định số 98/QĐ-UB ngày 22/6/1995 để trồng rừng và sử dụng cho các mục đích khác. Năm 2000 gia đình ông chuyển đến sinh sống tại huyện Z nên có nhờ ông K (là em trai) trông coi quản lý có giấy tạm bàn giao ngày 22/9/2000. Quá trình ông K trông coi quản lý ông vẫn thường xuyên đi lại, đầu tư vào đất, trồng cây, nuôi cá. Trên cơ sở ủy quyền trông coi quản lý ông K đã giúp ông quản lý và sử dụng diện tích đất ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và địa phương.

Năm 2007, ông tiếp tục nhờ ông K đứng ra làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Nên ngày 16/01/2007 ông K và bà A đã được UBND huyện B cấp CNQSDĐ số AK 677385. Sau khi có GCNQSDĐ ông K đã bàn giao lại cho ông quản lý và ông K vẫn tiếp tục trông coi đất và tài sản trên đất cho ông từ đó đến nay.

Việc UBND huyện B ban hành quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 về việc thu hồi đất và GCNQSDĐ giao cho em trai ông là Cao Trần K là thiếu cơ sở, trái quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của ông. Vì vậy ông nhất trí với quan điểm của ông K khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủy quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông Cao Trần K và quyết định số 1153/QĐ-UBND

ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã tiến hành mở phiên đối thoại để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu của người khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng hành chính. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng trình tự của Luật tố tụng hành chính.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy toàn bộ Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Ông Cao Trần K khởi kiện Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính và được khởi kiện trong thời hiệu luật định.

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Căn cứ vào khoản 2 Điều 66, Khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất và GCNQSDĐ thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện. Vì vậy, UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Cao Trần K là đúng thẩm quyền.

Về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày

12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 20/12/2016 Thanh tra huyện B ban hành kết luận thanh tra số 220/KL-TTr với nội dung: Việc giao đất và cấp GCNQSDĐ cho ông K là không đúng đối tượng giao đất lâm nghiệp, không đúng nguồn gốc sử dụng đất, giao đất cho đối tượng tự ý sử dụng đất không được cấp có thẩm quyền cho phép. Theo điểm a khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thủ tục thu hồi GCNQSDĐ thì "*Trường hợp cơ quan thanh tra có văn bản kết luận giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, nếu kết luận đó là đúng thì quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp…"*. Như vậy trình tự thủ tục ban hành Quyết định 269/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và GCNQSDĐ là đúng.

Về nội dung Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Xét thấy, ngày 22/6/1995 UBND huyện B ban hành quyết định số 98/QĐ-UB về việc giao đất trồng rừng cho ông Cao Trần Q với tổng diện tích: 579 ha, Quyết định này do ông Cao Trần Q cung cấp, tại phiên tòa đại diện Ủy ban nhân dân huyện B cũng thừa nhận Quyết định này do Ủy ban nhân dân huyện B ban hành nhưng tại thời điểm giao đất cho ông Cao Trần K và thời điểm thanh tra cấp GCNQSDĐ đối với ông Cao Trần K, UBND huyện B không biết có sự tồn tại của Quyết định này và hiện nay quyết định này chưa bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy bỏ. UBND huyện B cũng thừa nhận khi ban hành Quyết định giao đất lâm nghiệp cho ông Cao Trần K, UBND huyện B đã căn cứ vào kết quả xét duyệt của Hội đồng tư vấn giao đất, còn việc Hội đồng tư vấn có thẩm tra chính xác nguồn gốc đất hay không thì UBND huyện B cũng không biết được. Ngày 24/4/2005, ông Cao Trần K và bà Trần Thị A có đơn xin giao đất và cấp GCNQSDĐ, đến ngày 16/01/2007 UBND huyện B ban hành quyết định số 43/QĐ-UBND về việc giao đất, cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp cho 182 hộ gia đình, cá nhân tại xã E, huyện B, trong đó có hộ ông Cao Trần K được giao đất tại tờ bản đồ số 3, tiểu khu 83b, thửa số 69, diện tích 199.812 m^2, địa chỉ thửa đất: thôn G, xã E, huyện B, tỉnh Lào Cai. Thời hạn sử dụng từ tháng 01/2007 đến tháng 01/2057. Mặt khác tại thời điểm UBND huyện B giao đất cho ông K thì ông K đang là cán bộ công tác tại Công an huyện Z, vợ là bà Trần Thị A đang là giáo viên tại huyện B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú là phường C, thành phố P, tỉnh Lào Cai. Theo Điều 33 Luật đất đai năm 2003 quy định: "*Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp lao động nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được giao đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại Điều 70 của Luật này*". Căn cứ vào quy định trên thì ông Cao Trần K và bà Trần Thị A không thuộc đối tượng được cấp đất lâm nghiệp. Trong GCNQSDĐ số AK 677385 được UBND huyện B cấp ngày 16/01/2007 cho ông Cao Trần K và bà Trần Thị A xác định nguồn gốc sử dụng đất là Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là không đúng vì ông K được UBND huyện B giao đất theo quyết định

số 43/QĐ-UBND. Tại phiên tòa người đại diện của ông Cao Trần Q vẫn khẳng định UBND huyện B đã ban hành Quyết định 43/2007 giao đất cho hộ ông Cao Trần K, chồng vào diện tích đất của ông Cao Trần Q đã được UBND huyện B giao và ông Q vẫn là người đang trực tiếp sử dụng toàn bộ diện tích đó; Tại phiên tòa ông Cao Trần K cũng thừa nhận điện tích đất ông bị thu hồi vẫn thuộc quyền sử dụng của ông Cao Trần Q.

Như vậy, đã đủ căn cứ để khẳng định UBND huyện B chưa thực hiện việc thu hồi đất trồng rừng của ông Cao Trần Q được giao theo quyết định số 98/QĐ-UB của UBND huyện B mà đã tiến hành giao đất, cấp GCNQSDĐ cho ông K là không đúng đối tượng được giao đất lâm nghiệp và không đúng về nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai. Lẽ ra trong trường hợp này UBND huyện B phải yêu cầu Thanh tra huyện B thanh tra kết luận lại về nguồn gốc đất để ban hành quyết định thu hồi hủy bỏ quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 16/01/2007 của UBND huyện B về việc giao đất, cấp GCNQSD đất lâm nghiệp đối với hộ ông Cao Trần K mới đúng nhưng UBND huyện lại căn cứ vào kết luận thanh tra không chính xác để ban hành quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình ông Cao Trần K với lý do ông Cao Trần K lấn chiếm đất công và giao diện tích đất thu hồi cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý là không đúng pháp luật về đất đai.

Xét thấy người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ ông Cao Trần K là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K.

Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tố tụng hành chính và được khởi kiện trong thời hiệu luật định.

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện B: Căn cứ Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011 thì quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 được Chủ tịch UBND huyện B ban hành là đúng thẩm quyền.

Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Ngày 06/02/2017 Chủ tịch UBND huyện B nhận được đơn khiếu nại. Ngày 14/2/2017 ban hành thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 30/3/2017 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. Theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu

không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý. Đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nai: Sau khi tiếp nhận đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện B đã ra thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại, ban hành quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, đoàn xác minh tiến hành xác minh, tổ chức đối thoại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định tại các điều từ Điều 27 đến Điều 32 của Luật khiếu nại.

Về nội dung giải quyết khiếu nại:

Như đã phân tích ở phần [1] UBND huyện B căn cứ vào kết luận thanh tra số 220/KL-TTr ngày 20/12/2016 của Thanh tra huyện B có nội dung xác định ông K "*Chiếm dụng đất của Nhà nước*" là không đúng nên đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 không đúng pháp luật. Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K với nội dung không công nhận khiếu nại của ông Cao Trần K là không đúng.

Từ phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Cao Trần K đề nghị hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Trần K, yêu cầu của người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Cao Trần Q và bà Trần Thị A; Hủy quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Cao Trần K; Hủy Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Cao Trần K.

2. Về án phí: Uỷ ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Cao Trần K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000136 ngày 10/7/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao (1);
- VKSND tỉnh (2);
- Các đương sự;
- Cục THADS (1);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Hữu Khoa